TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 136 /2025/DS-PT
Ngày 10 tháng 9 năm 2025
"V/v tranh chấp quyền
sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Vũ

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Khắc Chiên
Ông Nguyễn Hán Hưởng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hồng Đăng – Thư ký TAND tỉnh Phú Thọ

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa***: Ông Trần Xuân Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 51/2025/TLPT-DS ngày 09 tháng 7 năm 2025 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2025/DS-ST ngày27/5/2025của Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ (nay là Toà án nhân dân khu vực 6 – Phú Thọ) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2025/QĐXXPT –DS ngày 27/8/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966
Địa chỉ: Khu Gò Cây Vải, xã Vân Bán, tỉnh Phú Thọ
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc A, sinh năm 1978
Địa chỉ: Khu Gò Cây Vải, xã Vân Bán, tỉnh Phú Thọ
3**. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**
3.1 UBND xã V, tỉnh Phú Thọ.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Như L – Chức vụ: Chủ tịch UBND xã V, tỉnh Phú Thọ.
3.2 Bà Phan Thị B, sinh năm 1968
Địa chỉ: Khu G, xã V, tỉnh Phú Thọ
Người đại diện theo ủy quyền của bà B là ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966 (chồng của bà B); Địa chỉ: Khu G, xã V, tỉnh Phú Thọ
3.3 Chị Nguyễn Thị Hương L1, sinh năm 1980
Địa chỉ: Khu G, xã V, tỉnh Phú Thọ

3.4 Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1946

Địa chỉ: Khu Gò Cây Vải, xã Vân Bán, tỉnh Phú Thọ

4. Người kháng cáo:Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1946.

Địa chỉ: Khu G, xã V, tỉnh Phú Thọ - *Là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (ủy quyền cho bị đơn là anh Nguyễn Quốc A).*

(Có mặt ông T, bà B, ông V, anh A).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 8 năm 2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:**

Ông và vợ ông là bà Phan Thị B được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 493384 ngày 30/6/2017 đối với thửa đất số 425, tờ bản đồ số 23 diện tích 2513,1m^2 (trong đó có 400m^2 đất ở và 2113,1m^2 đất trồng cây lâu năm ở khu G, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Gia đình ông đã làm nhà ở từ năm 1988 có lối cổng đi ra đường đi của khu. Gia đình nhà anh Nguyễn Quốc A ở giáp ranh với gia đình ông hai bên gia đình không có mâu thuẫn gì. Đến khoảng năm 2022 gia đình anh Nguyễn Quốc A và chị Nguyễn Thị Hương L1 ở cùng khu đã xây tường rào dài 35,5m, lấn sang phần ông sử dụng làm lối đi, khi anh Quốc A xây dựng ông có sang nói chuyện với anh A là không được xây sang đất nhà ông nhưng anh A vẫn cố tình xây. Hai bên gia đình mâu thuẫn kéo dài từ đó cho đến nay. Ông đã đề nghị UBND xã V hòa giải nhưng không thành.

Sau khi Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ, tại phiên tòaông đề nghị Tòa án giải quyết buộc gia đình anh Nguyễn Quốc A và chị Nguyễn Thị Hương L1 tháo dỡ, di dời phần tường rào dài 34,74m (đoạn tường rào xây gạch chỉ: 15,82m và đoạn tường rào có gắn lưới B40: 18,92m), cùng cây cối, lâm lộc trên diện tích lấn chiếm vào phần đất của gia đình ông là 31,3m^2, phần đất này gia đình ông sử dụng làm lối đi để trả lại hiện trạng sử dụng cho gia đình ông.

*** Bị đơn anh Nguyễn Quốc A trình bày**:

Nguồn gốc diện tích đất hiện đang tranh chấp với ông Nguyễn Văn T, bà Phan Thị B là của ông nội anh để lại cho bố anh là ông Nguyễn Văn V. Sau đó đến năm 2009 ông V cho vợ chồng anh sử dụng. Diện tích đất là 1099,9m^2 đất màu chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Gia đình anh đã xây dựng ngôi nhà 03 gian cấp 4 từ năm 2009. Năm 2019 anh có xây đoạn tường rào trước nhà anh. Năm 2022 anh có xây dựng thêm nhà bếp.

Quá trình sử dụng đất từ năm 2009 anh không tranh chấp, lấn chiếm đất với ai. Khi xây dựng tường rào anh cũng xây theo hiện trạng anh sử dụng. Việc ông T – bà B khởi kiện anh xây đoạn tường rào dài 34,74m (đoạn tường rào xây gạch chỉ: 15,82m và đoạn tường rào có gắn lưới B40: 18,92m) cùng cây cối, lâm lộc trên diện tích lấn chiếm 31,3m^2 vào phần đất của gia đình ông T thì anh không nhất trí. Anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

*** Bà Phan Thị B trình bày**: Nhất trí như ý kiến trình bày của ông T chồng bà, bà không trình bày gì thêm.

*** Chị Nguyễn Thị Hương L1 vắng mặt nhưng có quan điểm:** Nhất trí như ý kiến trình bày của anh Quốc A chồng chị, chị không trình bày gì thêm.

Ông Nguyễn Văn V trình bày: Ông là bố đẻ của anh Nguyễn Quốc A. Nguồn gốc thửa đất mà anh Quốc A đang sử dụng là của bố ông để lại, là đất màu có diện tích 1099,9m^2. Bố ông để lại cho ông từ rất lâu, sau đó đến năm 2009 ông cho anh Quốc A sử dụng, diện tích này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình sử dụng đất anh Quốc A đã xây dựng ngôi nhà cấp 4 – 03 gian + bếp, công trình phụ, tường rào trên đất. Từ trước đến nay anh Quốc A sử dụng không tranh chấp với ai. Nhưng không hiểu vì sao đến năm 2024 thì ông T – bà B cho rằng anh A lấn chiếm đất là không đúng vì anh A đã sử dụng đất từ rất lâu rồi.

**** Đại diện** UBND xã V **vắng mặt nhưng có quan điểmtrình bày***:

Về nguồn gốc các thửa đất như sau:

- Thửa đất số 339, tờ bản đồ số 09 (Bản đồ 299), diện tích 2400m^2 , loại đất ở (ONT + CLN) nay là thửa đất số 425, tờ bản đồ số 23 (B1), diện tích 2513,1m^2, loại đất ở (ONT + CLN), chủ sử dụng hộ ông Nguyễn Văn T.

- Thửa đất số 437, tờ bản đồ số 23 (BD VN2000), diện tích 1099,9m^2, loại đất màu chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thửa đất này hiện anh Nguyễn Quốc A và chị Nguyễn Thị Hương L1 đang sử dụng. Nguồn gốc thửa đất này của ông Nguyễn Văn V – sinh năm 1946 (bố đẻ anh Quốc A) sử dụng từ xưa để lại. Đến năm 2009 ông V cho vợ chồng anh A – chị L1 sử dụng từ đó cho đến nay. Quá trình sử dụng anh A – chị L1 đã xây dựng 01 ngôi nhà cấp 4, 03 gian, bếp, công trình phụ và tường rào bao quanh thửa đất. Việc xây dựng các tài sản trên của anh Quốc A – chị L1 là không đúng quy định của pháp luật.

Quá trình sử dụng đất giữa ông T, bà B với anh A – chị L1 có xảy ra tranh chấp nên ông T, bà B có gửi đơn đề nghị UBND xã giải quyết. UBND xã V đã tiến hành phối hợp với Văn phòng đăng ký đất đai huyện C đã đo đạc, khảo sát tại thực địa thửa đất số 339, tờ bản đồ số 09 (Bản đồ 299), diện tích 2400m^2, loại đất ở (ONT + CLN) nay là thửa đất số 425, tờ bản đồ số 23 (BĐ VN 2000), diện tích 2513,m^2, loại đất ở (ONT + CLN), chủ sử dụng hộ ông Nguyễn Văn T.

Quá trình làm việc thì ông T, bà B chỉ yêu cầu đo nguyên phần diện tích hiện đang tranh chấp mà gia đình anh A, chị L1 đang lấn chiếm. Theo hiện trạng anh A, chị L1 đã xây tường rào vào diện tích đất đã được cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T (đoạn tường rào 35,5m, cạnh thửa phía mặt đường xây sang 0,65m, điểm tường ở giữa xây sang 0,13m 1,6m. Nhưng anh A – chị L1 không nhất trí.

UBND xã V đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Do vậy, UBND xã V đã báo cáo việc tranh chấp ranh giới thửa đất gửi Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê để giải quyết theo quy định.

Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Kết quảxem xét thẩm định tại chỗ ngày 20/5/2025 trên cơ sở xác định vị trí của các điểm mốc giới tranh chấp theo tọa độ được cấp giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T*, bà* Phan Thị B *(Có bản vẽ hiện trạng tranh chấp quyền sử dụng đất kèm theo).*Trên diện tích đất đang tranh chấp có những tài sản sau đây:

- 01 bức tường rào xây gạch chỉ không trát, xây lưng có bổ trụ, bên trên là khuôn thép vuông được kết nối bởi lưới B40 có chiều dài là 2,3m, chiều cao là 1,1m, tổng chiều dài là 18,92m (bức tường phía trước); 01 bức tường xây gạch chỉ có bổ trụ, không trát chiều dài là 15,82m (bức tường phía sau); 01 mái tôn sườn sắt, cột sắt diện tích 2,8m^2; 02 cây cau chiều cao 3m; 01 cây chanh đường kính 5cm; 01 giàn trầu không; Đất trồng cây lâu năm (Diện tích đất tranh chấp) 31,3m^2.

Kết quả định giá tài sản ngày 20/5/2025 thể hiện:

- 01 bức tường rào xây gạch chỉ không trát, xây lưng có bổ trụ, bên trên là khuôn thép vuông được kết nối bởi lưới B40 có chiều dài là 2,3m, chiều cao là 1,1m, tổng chiều dài là 18,92m (bức tường phía trước) có giá là 250.000đ x 18,92m = 4.730.000đ.
- 01 bức tường xây gạch chỉ có bổ trụ, không trát (bức tường phía sau) có giá: 150.000đ/m x 15,82m = 2.373.000đ
- 01 mái tôn sườn sắt, cột sắt có giá 840.000đ
- 02 cây cau có giá 150.000đ/01 cây có giá 300.000đ
- 01 cây chanh có giá 150.000đ
- 01 giàn trầu không có giá 300.000đ
- Đất trồng cây lâu năm (Diện tích đất tranh chấp): 200.000đ/m^2 x 31,3m^2= 6.260.000đ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số11/2025/DS-ST ngày 27/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ đã xử:

Căn cứ vào Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 156, Điều 157, Điều 165, Điều 166, 174, 186, Điều 227, 246, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;Điều 166, 174, 175, 176, 186, 246 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 11, khoản 1 Điều 17; Khoản 3, 6 Điều 23; Khoản 1, 3 Điều 25, Khoản 1 Điều 236 LuậtĐất đai năm 2024Căn cứ khoản 2 điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

Buộc anh Nguyễn Quốc A và chị Nguyễn Thị Hương L1 có nghĩa vụ trả lại diện tích 31,3m^{2}đất (trồng cây lâu năm) cho ông Nguyễn Văn T - bà Phan Thị B và tháo dỡ, di dời các tài sản gồm: 01 bức tường rào xây gạch chỉ không trát, xây lửng có bổ trụ, bên trên là khuôn thép vuông được kết nối bởi lưới B40 có chiều dài là 2,3m, chiều cao là 1,1m, tổng chiều dài là 18,92m (bức tường phía trước); 01 bức tường xây gạch chỉ có bổ trụ, không trát dài 15,82m (bức tường phía sau); 01 mái tôn sườn sắt, cột sắt diện tích 2,8m^2; 02 cây cau chiều cao 3m; 01 cây chanh đường kính 5cm; 01 giàn trầu không,theo chỉ giới 7,8,9,10,11,25,24,7 (*có bản đồ hiện trạng kèm theo*)

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

+ Ngày 29/5/2025ông Nguyễn Văn V có đơn kháng cáo:

Không nhất trí với Bản án sơ thẩm số 11/2025/DSST ngày 27/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm quyết định ông không lấn chiếm đất của ông T và không chấp nhận đơn khởi kiện của ông T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn V vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, ông V và anh A thừa nhận diện tích đất anh A đang sử dụng mà có tranh chấp ông V đã cho vợ chồng anh từ năm 2013 nhưng chưa làm thủ tục do điều kiện khó khăn.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh A cho rằng anh có kháng cáo trong hạn luật định nhưng không đưa ra chứng cứ chứng minh.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà khi giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng nguyên tắc, nguyên đơn bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn V đúng hạn luật định.

Về nội dung đề nghị HĐXX:Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn V1 nội dung bản án không ảnh hưởng đến quyền lợi của ông V.Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2025/DS-ST ngày 27/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê (nay là Toà án nhân dân khu vực 6 – Phú Thọ).Ông Nguyễn Văn V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm (Chi tiết bài phát biểu lưu hồ sơ vụ án).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn V trong hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn V:

Về nguồn gốc theo tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của đương sự thể hiện: Đối với diện tích Thửa đất số 339, tờ bản đồ số 09 (Bản đồ 299), diện tích 2.400m², loại đất ở (ONT + CLN) chủ sử dụng hộ ông Nguyễn Văn T có nguồn gốc là do ông cha để lại và ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/11/1999. Sau đó đến 30/6/2017 ông T đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa đất số 425, tờ bản đồ số 23 (B1), diện tích 2.513m², loại đất ở (ONT + CLN) đứng tên ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị B.

Đối với thửa đất số 437, tờ bản đồ số 23 (B1), diện tích 1999m², loại đất màu chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo ông Nguyễn Văn

V trình bày thửa đất này là đất màu của bố mẹ ông để lại chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông V đã anh Nguyễn Quốc A và chị Nguyễn Thị Hương L1 đang sử dụng từ năm 2009 từ đó cho đến nay. Quá trình sử dụng anh A – chị L1 đã xây dựng 01 ngôi nhà cấp 4 - 03 gian, bếp, công trình phụ và tường rào bao quanh thửa đất.

Như vậy, về nguồn gốc hình thành 02 thửa đất trên các bên đều do ông cha để lại. Quá trình tòa án giải quyết ông T là nguyên đơn không đồng ý cho tiến hành thẩm định toàn bộ thửa đất mà chỉ đồng ý cho tiến hành thẩm định tại vị trí đất có tranh chấp. Theo qui định tại khoản 1 Điều 6 BLTTDS năm 2015 thì *"Đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ cho Toà án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp"*. và khoản 4 Điều 91 BLTTDS năm 2015 *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Toà án giải quyết vụ, việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án"*. Như vậy, nếu như nguyên đơn không đồng ý cho tiến hành thẩm định toàn bộ mà chưa đủ căn cứ thì toà án có thể xử bác đơn khởi kiện hoặc đình chỉ việc giải quyết vụ án theo qui định tại điểm h khoản 1 Điều 217 BLTTDS năm 2015. Tuy nhiên Tòa án đã tiến hành làm việc với Văn phòng Đ đất chi nhánh huyện C, chi nhánh cung cấp chỉ cần dựa vào tọa độ tại điểm 7, 24, 25 trong sơ đồ thửa đất sẽ xác định được vị trí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T bà B tại thực địa diện tích tranh chấp là 31,3m^2 theo chỉ giới 7,8,9,10,11,25,24,7.. để từ đó Tòa án lấy làm căn cứ xác định vị trí đất anh Anh chị L1 lấn chiếm là 31,3m^{2}mà không yêu cầu UBND cung cấp toàn bộ hồ sơ tài liệu liên quan đến quá trình cấp đất cho ông T bà B là chưa đủ căn cứ vững chắc ảnh hưởng đến quyền lợi của anh Anh chị L1 vì: Theo tài liệu hồ sơ thể hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T năm 1999 thì phần diện tích đất trên là 2.400m^2; Theo bản đồ 299 (BL 46) và theo biên bản mô tả ranh giới ngày 24/9/2012 (BL 45) có chữ ký của anh A, ông H là hàng xóm của ông T thì phần giáp ranh giữa diện tích đất nhà anh Anh chị L1 với ông T bà B là 01 đường thẳng nhưng theo kết quả đo đạc địa chính thửa đất có chữ ký của ông T chủ sử dụng đất thì lại là 01 đường cong 3 điểm (BL47) cong về phía đất nhà ông T, diện tích đất nhà ông T là 2.513,1m^2 (tăng 113,1m^2) so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 25/3/2013 ông T đã có đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất từ 2.400m^2 lên 2.513,1m^2 và ngày 02/10/2013 Hội đồng xét duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chấp nhận và đề nghị cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T bà B (BL 48, 49)… như vậy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới của ông T tăng hơn so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1999 là 113,1m^2; Tòa án chưa làm rõ việc hình thành tọa độ đối với thửa đất của ông T từ khi nào, ông A có ký và xác định tọa độ cùng không, tại sao theo bản đồ 299 và biên bản mô tả ranh giới có chữ ký của 02 bên thì phần giáp ranh này là 01 đường thẳng nhưng khi cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T bà B năm 2017 thì phần giáp ranh này lại là đường cong 3 điểm… Theo qui định khi xác định tọa độ ban đầu thì phải được ký giáp ranh

và xác định của chủ thửa đất 02 bên để làm căn cứ xác định ranh giới, tọa độ nhưng tài liệu này trong hồ sơ không được thể hiện.

Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm anh Anh chị L1 là người bị Tòa án tuyên trả phần diện tích đất 31,3m^2 cho ông T bà B nhưng anh Anh chị L1 không kháng cáo đối với bản án trên mà chỉ có ông V là người liên quan kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm quyết định ông không lấn chiếm đất của ông T và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T. Nên không cần thiết phải huỷ bản án mà sẽ xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm nếu như bị đơn khiếu nại sau này và cần rút kinh nghiệm đối với cấp sơ thẩm.

Đối với kháng cáo của ông V như trên đã phân tích, không có căn cứ chấp nhận vì nội dung bản án không ảnh hưởng đến quyền lợi của ông V, cũng không tuyên ông V phải trả lại đất cho ông T nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông V.

[3]Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn V không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

1. Không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn V

2. Giữ Bản án dân sự sơ thẩm số11/2025/DS-ST ngày 27/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê (nay là Toà án nhân dân khu vực 6 – Phú Thọ).

3. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Văn V là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
-TAND khu vực 6 – Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quang Vũ